

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày 24-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Trần Thị Trúc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố P.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/ TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín (viết tắt là Vietbank), địa chỉ trụ sở: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;

Người Đ diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân C, ông Vũ Văn T; đều địa chỉ: Số 70-72 Bà Triệu, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; (Theo Giấy ủy quyền số 23/2024/UQ-VB ngày 27/5/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín). Ông C, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T, cùng địa chỉ: Tổ Kha Lâm 3, phường N, quận K, thành phố P. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện *đề ngày 27 tháng 5 năm 2024*, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người Đ diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân C trình bày:

Vietbank Chi nhánh C và vợ chồng ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T giao kết; thực hiện Hợp đồng tín dụng LCH.CN. 03.101121 ngày 10-11-2021. Ngân hàng giải ngân cho ông Đ, bà T vay 3.700.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số LCH.CN.03.101121/GNN-01 ngày ký 11-11-2021. Bên vay cam kết thanh toán tiền mượn người thân (bên thứ 03) mua bất động sản; thời hạn vay 240 tháng tính từ ngày giải ngân; mức lãi suất vay theo khế ước nhận nợ cụ thể. với phương thức trả nợ gốc, lãi: lãi trả hàng tháng; gốc trả theo lịch trả nợ quy định tại hợp đồng tín dụng. Lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất vay quá hạn: lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả lãi: bằng 10% lãi suất cho vay trong hạn. Số tiền đã thanh toán tổng cộng là 1.118.499.295 đồng (nợ gốc: 354.568.000 đồng, nợ lãi: 762.135.221 đồng, phạt chậm trả: 1.796.074 đồng). Tổng dư nợ chưa thanh toán tính đến thời điểm xét xử là 3.839.634.280 đồng; trong đó: Dư nợ gốc: 3.345.432.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn: 455.274.958 đồng, dư nợ lãi quá hạn: 17.016.096 đồng, lãi chậm trả lãi: 21.911.225 đồng. Tài sản bảo đảm của hợp đồng tín dụng là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19; tờ bản đồ: Quy hoạch chia lô, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 891712, vào sổ cấp GCN số CH 00930 của UBND huyện Kiến Thụy, thành phố P. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LCH.HĐTC.04101121 ngày 10-11-2021 và Vietbank, ông Đ, bà T đều tiến hành công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: Ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho VIETBANK tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 24-09-2024 là: 3.839.634.280 đồng (Trong đó bao gồm: Dư nợ gốc: 3.345.432.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn: 455.274.958 đồng, dư nợ lãi quá hạn: 17.016.096 đồng, lãi chậm trả lãi: 21.911.225 đồng) theo Hợp đồng tín dụng LCH.CN. 03.101121 ngày 10-11-2021. Ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho VIETBANK số tiền lãi/phạt/phí phát sinh theo lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết với VIETBANK kể từ ngày 25-09-2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực, ông Lê Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Vietbank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19; tờ bản đồ: Quy hoạch chia lô, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố P theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 891712, vào sổ cấp GCN số CH 00930 do UBND huyện Kiến Thụy, thành phố P cấp ngày 19-9-2019. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho VIETBANK, thì ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VIETBANK cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Bị đơn ông Lê Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T không trình bày ý kiến, không chấp hành triệu tập có mặt tại Tòa án.

Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện quyền của đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Lê Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Vietbank tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử 3.839.634.280 đồng (Trong đó bao gồm: Dư nợ gốc: 3.345.432.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn: 455.274.958 đồng, dư nợ lãi quá hạn: 17.016.096 đồng, lãi chậm trả lãi: 21.911.225 đồng) theo Hợp đồng tín dụng LCH.CN. 03.101121 ngày 10-11-2021. Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ. Trường hợp ông Lê Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Vietbank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo khoản vay là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19; tờ bản đồ: Quy hoạch chia lô, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 891712, vào sổ cấp GCN số CH 00930 do UBND huyện Kiến Thụy, thành phố P cấp ngày 19-9-2019 đăng ký chuyển nhượng cho chủ sử dụng là ông Lê Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T vào ngày 10-11-2021. Ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận K thụ lý, giải quyết vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Vietbank khởi kiện ông Lê Trọng Đ, bà

Nguyễn Thị T , cư trú tại quận K , thành phố P, bảo đảm quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nhận định về trách nhiệm thanh toán: Vietbank và vợ chồng ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T tự nguyện ký kết Hợp đồng tín dụng LCH.CN. 03.101121 ngày 10-11-2021. Vợ chồng ông Đ, bà Tnhận đầy đủ số tiền vay theo giấy nhận nợ; đã thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết. Bởi vậy, hợp đồng tín dụng này phù hợp quy định Điều 398 của Bộ luật Dân sự, là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên trong hợp đồng tín dụng phải thực hiện trách nhiệm theo cam kết. Bên vay được cấp 1 tài khoản thanh toán tại ngân hàng và đăng ký nhận tin nhắn thông báo số tiền thanh toán hàng tháng bằng số điện thoại, nên đều biết thời điểm chậm thanh toán do không chuyển tiền vào tài khoản thanh toán khoản nợ; đã được thông báo, làm việc về khoản nợ quá hạn. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì phải trả lãi quá hạn được xác định bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, phù hợp thỏa thuận cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp quy định các điều 9, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 23, 27, 28 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[2.1] Trên cơ sở trình bày của nguyên đơn, ý kiến không phản đối của bị đơn, phù hợp bản sao kê tài khoản, phù hợp bảng kê tính nợ gốc, lãi, phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Ông Đ, bà Tđược giải ngân theo Hợp đồng tín dụng LCH.CN. 03.101121 ngày 10-11-2021 với số tiền vay 3.700.000.000 đồng vào ngày 11-11-2021; đã thanh toán tổng số tiền là 1.118.499.295 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 354.568.000 đồng, nợ lãi: 762.135.221 đồng, phạt chậm trả: 1.796.074 đồng; vi phạm thanh toán, bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25-10-2023. Bị đơn còn nợ đến ngày xét xử là 3.839.634.280 đồng; trong đó: Dư nợ gốc: 3.345.432.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn: 455.274.958 đồng, dư nợ lãi quá hạn: 17.016.096 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 21.911.225 đồng. Căn cứ vào các điều 100, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Vietbank tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 3.839.634.280 đồng theo Hợp đồng tín dụng LCH.CN. 03.101121 ngày 10-11-2021, Giấy nhận nợ số LCH.CN. 03.101121/GNN-01 ngày ký 11-11-2021. Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên.

[3] Nhận định về xử lý tài sản bảo đảm:

[3.1] Vietbank và vợ chồng ông Lê Trọng Đ tự nguyện thỏa thuận, ký kết Hợp đồng thế chấp, bảo đảm thủ tục công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm. Căn cứ vào các điều 298, 401 của Bộ luật Dân sự; các điều 17, 46, 47, 53, 54 của Luật Công chứng; điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, điểm e khoản 1 Điều

21, Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ, Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Trên cơ sở xác minh, Kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12-7-2024, phù hợp hồ sơ, tài liệu thế chấp như sau: Kết quả đo đạc thực tế bằng máy đo đạc địa chính của Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Phú An xác định diện tích thực tế thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của tài sản thế chấp là: diện tích là 130,31m², trong đó diện tích xây dựng Tầng 1 là 122m². Do chủ nhà đất thế chấp không cho vào xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc nên cần ghi nhận ý kiến của chính quyền địa phương, Đ diện ngân hàng về việc nhà đất thế chấp giữ nguyên hiện trạng sử dụng thì số liệu diện tích mặt sàn Tầng 2,3,4 thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 891712 cấp ngày 19-9-2019 vẫn giữ nguyên ổn định, cụ thể là: Tổng diện tích sàn Tầng 2,3,4 là 386,4m² là phù hợp quy định pháp luật. Hiện trạng đo đạc chênh lệch so với Giấy chứng nhận: Về diện tích thửa đất nhiều hơn là 0,01m² bảo đảm sai số cho phép; về diện tích xây dựng mặt sàn tầng 1 nhiều hơn là 1.2 m² bảo đảm sai số cho phép và vẫn thuộc ranh giới thửa đất số 19. Nhà đất, công trình liên quan tài sản thế chấp giữ nguyên hiện trạng, không thay đổi tường bao, từ thời điểm thế chấp cho đến thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ; không xảy ra tranh chấp về ranh giới, mốc giới.

[3.3] Căn cứ vào các điều 292, 293, 295, 298, 299, 301, 307, 318, 319, 320, 323, 325 của Bộ luật Dân sự; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trường hợp ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, thì Vietbank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19; tờ bản đồ: Quy hoạch chia lô, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 891712, vào sổ cấp GCN số CH 00930 do UBND huyện Kiến Thụy, thành phố P cấp ngày 19-9-2019 đăng ký chuyển nhượng cho chủ sử dụng là ông Lê Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T vào ngày 10-11-2021.

[4] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm là đồng. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí. Nguyên đơn không yêu cầu về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 9, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 23, 27, 28 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào các điều 117, 292, 293, 295, 298, 299, 301, 307, 318, 319, 320, 323, 325, 401 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 17, 46, 47, 53, 54 của Luật Công chứng;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, điểm e khoản 1 Điều 21, Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ vào các điều 7, 8, 10 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín;

Ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín tổng số tiền nợ tính đến ngày 24 tháng 9 năm 2024 theo Hợp đồng tín dụng LCH.CN. 03.101121 ngày 10 tháng 11 năm 2021, Giấy nhận nợ số LCH.CN.03.101121/GNN-01 ngày ký 11 tháng 11 năm 2021 là 3.839.634.280 đồng (Ba tỉ, tám trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi đồng). Trong đó: Dư nợ gốc: 3.345.432.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn: 455.274.958 đồng, dư nợ lãi quá hạn: 17.016.096 đồng, tiền lãi chậm trả lãi: 21.911.225 đồng.

Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng LCH.CN. 03.101121 ngày 10 tháng 11 năm 2021, Giấy nhận nợ số LCH.CN.03.101121/GNN-01 ngày ký 11 tháng 11 năm 2021. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay, thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất với diện tích 130,3m² (kết quả đo đạc thực tế là 130,31m²) tại thửa đất số 19; tờ bản đồ: Quy hoạch chia lô, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 891712, vào sổ cấp GCN số CH 00930 do UBND huyện Kiến Thụy, thành phố P cấp ngày 19 tháng 9 năm 2019 đăng ký chuyển nhượng cho chủ sử dụng là ông Lê Trọng Đ và bà Nguyễn Thị T vào ngày 10 tháng 11 năm 2021. Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín, thì ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí: Ông Lê Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm dân sự là 108.792.686 đồng (Một trăm linh tám triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng).

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương Tín số tiền tạm ứng án phí là 52.136.000 đồng (năm mươi hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004847 ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố P.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. P;
- VKSND TP. P;
- VKSND quận K ;
- Chi cục THADS quận K ;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh